

Quận 3, ngày 13 tháng 9 năm 2022

QUY CHẾ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh năm học 2023 - 2024

(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ – BD, ngày tháng ... năm 2023
của Hiệu trưởng Trường THCS Bạch Đằng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định về kiểm tra, đánh giá học sinh (kiểm tra, đánh giá thường xuyên, kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá cuối kỳ; kiểm tra, đánh giá lại) tại trường THCS Bạch Đằng bao gồm: chuẩn bị cho kỳ kiểm tra, công tác ra đề kiểm tra; chấm kiểm tra và phúc khảo; quản lý điểm, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với Trường THCS Bạch Đằng trong việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đối với các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ (giữa kỳ và cuối kỳ).

Điều 2. Mục đích kiểm tra- Yêu cầu kiểm tra

1. Quy chế nhằm áp dụng thống nhất các quy định về tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh của giáo viên trong trường, tạo thuận lợi cho tổ chuyên môn và Ban giám hiệu trong việc quản lý, chỉ đạo và thực hiện công tác chuyên môn.

2. Kiểm tra nhằm mục đích:

Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được qui định trong Chương trình GDPT.

Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan.

Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và định kỳ.

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích, sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh.

Làm cơ sở cho việc rút kinh nghiệm, điều chỉnh công tác điều hành quản lý, chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường và tiếp tục đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên bộ môn, tổ chuyên môn.

3. Yêu cầu

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá căn cứ trên Kế hoạch, quy chế kiểm tra, đánh giá của nhà trường và tổ/nhóm chuyên môn, phân công giáo viên xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá cho các lớp, khối lớp được phụ trách.

Công khai cho học sinh số lần, số điểm, hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ; cách thức chọn lựa kết quả kiểm tra, đánh giá đối với những kiểm tra, đánh giá thường xuyên thực hiện nhiều lần trước khi tổ chức kiểm tra, đánh giá.

Kiểm tra đánh giá học sinh phải được thực hiện công bằng, minh bạch và đúng quy định. Hiệu trưởng tăng cường giám sát trong công tác kiểm tra đánh giá học sinh; thực hiện công tác kiểm tra nội bộ nhà trường đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh kịp thời các sai sót.

Giáo viên công khai kế hoạch, tiêu chí kiểm tra đánh giá cho học sinh; tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo công bằng, khách quan và đúng quy định.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm máy tính trong tổ chức, quản lý và thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh.

Điều 3. Các căn cứ để xây dựng qui chế

1. Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học
2. Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học phổ thông kèm theo TT58/2011/TT-BGDĐT;
3. Thông tư số 22/ 2021/ TT- BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 Qui định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.
4. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;
5. Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018;
6. Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
7. Căn cứ công văn số 4284/SGDĐT-GDTrH ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Sở giáo dục và đào tạo TPHCM về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024;

Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và tình hình thực tế của nhà trường

Chương II

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Điều 4. Kiểm tra, đánh giá đối với lớp 9 - Thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT

a. Hình thức đánh giá

- Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với các môn học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 trong 02 mức: Đạt, Chưa đạt.

- Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại:

+ Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh trong quá trình học tập môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2006 (CT GDPT 2006).

+ Đánh giá bằng điểm số kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với môn học quy định trong CT GDPT 2006. Kết quả đánh giá theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10.

b. Các loại bài kiểm tra, đánh giá

b1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong CT GDPT 2006.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

- Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

b2. Kiểm tra, đánh giá định kì

- Đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định.

- Đánh giá định kì, gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học từ 45 phút đến 90 phút, đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định.

+ Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá và thông báo cho người học trước khi thực hiện.

b3. Rèn luyện, kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kì nghỉ hè

Học sinh xếp loại học lực cả năm từ trung bình trở lên nhưng hạnh kiểm cả năm học xếp loại yếu thì phải rèn luyện thêm hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, hình thức rèn luyện do hiệu trưởng quy định.

Nhiệm vụ rèn luyện trong kỳ nghỉ hè được thông báo đến gia đình, chính quyền, đoàn thể xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) nơi học sinh cư trú.

Cuối kỳ nghỉ hè, nếu được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị hiệu trưởng cho xếp loại lại về hạnh kiểm. Học sinh xếp loại hạnh kiểm cả năm học từ trung bình trở lên nhưng học lực cả năm học xếp loại yếu, được chọn một số môn học trong các môn học có điểm trung bình cả năm học dưới 5,0 hoặc có kết quả xếp loại Chưa đạt để kiểm tra lại.

Kết quả kiểm tra lại được lấy thay thế cho kết quả xếp loại cả năm học của môn học đó để tính lại điểm trung bình các môn cả năm học và xếp loại lại về học lực.

Điều 5. Kiểm tra, đánh giá đối với lớp 6, lớp 7, lớp 8- Thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT

a. Hình thức đánh giá

- Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo 01 trong 02 mức: Đạt, Chưa đạt.

- Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CT GDPT 2018); kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

b. Các loại bài kiểm tra, đánh giá

b1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong CT GDPT 2018.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

- Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học như sau:

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét (không bao gồm cụm chuyên đề học tập): mỗi học kì chọn 02 lần.

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên theo đúng quy định.

Môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐĐGtx.

Môn học có trên 35 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 ĐĐGtx.

Môn học có trên 70 tiết/năm học: 04 ĐĐGtx.

+ Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học ở cấp trung học phổ thông, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 lần đánh giá thường xuyên của môn học đó và ghi vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định.

b2. Kiểm tra, đánh giá định kì

- Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong CT GDPT 2018.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong CT GDPT 2018 trước khi thực hiện.

- Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 lần đánh giá giữa kì và 01 lần đánh giá cuối kì.

- Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 điểm đánh giá giữa kì và 01 điểm đánh giá cuối kì.

- Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định nếu có lí do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bổ sung với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bổ sung được thực hiện theo từng học kì.

- Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bổ sung theo quy định thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

b3. Rèn luyện, kiểm tra, đánh giá lại các môn học trong kì nghỉ hè

Học sinh có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì phải rèn luyện trong kì nghỉ hè, hình thức rèn luyện do hiệu trưởng quy định. Căn cứ vào hình thức rèn luyện trong kì nghỉ hè, giáo viên chủ nhiệm giao nhiệm vụ rèn luyện trong kì nghỉ hè cho học sinh và thông báo đến cha mẹ học sinh. Cuối kì nghỉ hè, nếu nhiệm vụ rèn luyện được giáo viên chủ nhiệm đánh giá đã hoàn thành (có báo cáo về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ rèn luyện có chữ kí xác nhận của cha mẹ học sinh) thì giáo viên chủ nhiệm đề nghị Hiệu trưởng cho đánh giá lại kết quả rèn luyện cả năm học của học sinh.

Đối với những học sinh chưa đủ điều kiện được lên lớp nhưng có kết quả rèn luyện cả năm học được đánh giá từ mức Đạt trở lên, kết quả học tập cả năm học được đánh giá mức Chưa đạt thì được đánh giá lại kết quả học tập các môn học được đánh giá mức Chưa đạt (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét) và các môn học có ĐTBmôn dưới 5,0 điểm (đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số).

Điều 6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì, cuối kỳ

- Tổ chức các kì kiểm tra, đánh giá định kì nghiêm túc, đúng quy định, đúng lịch kiểm tra thống nhất, đúng thời lượng quy định, đúng nội dung và hình thức theo yêu cầu; đảm bảo kiểm tra được mục tiêu đánh giá được năng lực toàn diện của học sinh. Trước khi kiểm tra đánh giá, giáo viên và nhà trường cần xác định được mục tiêu năng lực cần kiểm tra đánh giá, đảm bảo phù hợp mục tiêu giáo dục của nhà trường và của môn học hoặc hoạt động giáo dục. Xác định hình thức kiểm tra, đánh giá phải đáp ứng được yêu cầu về phát triển năng lực của học sinh.

- Biên soạn đề kiểm tra định kì: áp dụng hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra theo công văn số 3333/GDĐT-TrH ngày 09/10/2020 của Sở GDĐT về hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kì và tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì năm học 2020 - 2021.

- Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình và hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung giáo dục phổ thông của Bộ GDĐT, không kiểm tra những nội dung vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; không kiểm tra đối với các nội dung phải thực hiện tinh giản và các nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm, tự thực hiện, không yêu cầu, những nội dung yêu cầu học sinh thực hành, thí nghiệm.

- Nội dung đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Hình thức, cấu trúc đề kiểm tra (tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp tự luận, tỉ lệ các mức độ câu hỏi, ...) do Hiệu trưởng quyết định sau khi họp thống nhất với Tổ chuyên môn; đảm bảo được đánh giá, phân loại học sinh theo quy định của Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT và theo quy chế kiểm tra đánh giá của nhà trường.

- Thời gian kiểm tra định kì của năm học 2023 - 2024

+ Kiểm tra đánh giá giữa kì 1: Sau tuần thứ 8 của học kì 1.

+ Kiểm tra đánh giá cuối kì 1: Thời điểm hoàn thành ngày 06/01/2024. Thực hiện theo lịch kiểm tra của Phòng giáo dục và Đào tạo.

+ Kiểm tra đánh giá giữa kì 2: Sau tuần thứ 7 của học kì 2.

+ Kiểm tra đánh giá cuối kì 2: Thời điểm hoàn thành ngày 18/5/2024. Thực hiện theo lịch kiểm tra của Phòng giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các môn học, hoạt động giáo dục có tiến trình dạy học khác với tiến trình chung, tiến độ thực hiện kiểm tra đánh giá giữa kì, cuối kì được nhà trường xây dựng đảm bảo phù hợp với tiến trình dạy học của môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình đồng thời đảm bảo thời điểm hoàn thành theo Quyết định số 3260/QĐ-UBND

Điều 7. Số điểm kiểm tra đánh giá

1. Kết quả học tập của học sinh theo môn học

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét

- Trong một học kì, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

- Cả năm học, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.

b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

- Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

- Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI} : Điểm trung bình môn học kì I.

$\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$: Điểm trung bình môn học kì II.

2. Kết quả học tập trong từng học kì, cả năm học

Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, ĐTB_{mhk} được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong từng học kì, ĐTB_{mcn} được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong cả năm học. Kết quả học tập của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Mức Tốt:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} từ 6,5 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} đạt từ 8,0 điểm trở lên.

b) Mức Khá:

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Đạt.

- Tất cả các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} từ 5,0 điểm trở lên, trong đó có ít nhất 06 môn học có ĐTB_{mhk} , ĐTB_{mcn} đạt từ 6,5 điểm trở lên.

c) Mức Đạt:

- Có nhiều nhất 01 (một) môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá mức Chưa

đạt.

- Có ít nhất 06 (sáu) môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} từ 5,0 điểm trở lên; không có môn học nào có ĐTB_{mhk}, ĐTB_{mcn} dưới 3,5 điểm.

d) Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

3. Điều chỉnh mức đánh giá kết quả học tập

Nếu mức đánh giá kết quả học tập của học kì, cả năm học bị thấp xuống từ 02 (hai) mức trở lên so với mức đánh giá quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 (một) môn học thì mức đánh giá kết quả học tập của học kì đó, cả năm học đó được điều chỉnh lên mức liền kề.

*Đối với lớp 9:

1. Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số

- Điểm trung bình môn học kì (sau đây viết tắt là ĐTB_{mhk}) đối với mỗi môn học được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx}: Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

- Điểm trung bình môn cả năm (viết tắt là ĐTB_{mcn}) được tính như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI}: Điểm trung bình môn học kì I.

ĐTB_{mhkII}: Điểm trung bình môn học kì II.

c) ĐTB_{mhk} và ĐTB_{mcn} là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

*Điểm trung bình các môn học kỳ, cả năm học

1. Điểm trung bình các môn học kỳ (ĐTB_{hk}) là trung bình cộng của điểm trung bình môn học kỳ của các môn học đánh giá bằng cho điểm.

2. Điểm trung bình các môn cả năm học (ĐTB_{cn}) là trung bình cộng của điểm trung bình cả năm của các môn học đánh giá bằng cho điểm.

3. Điểm trung bình các môn học kỳ hoặc cả năm học là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

2. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét:

a) Xếp loại học kỳ:

- Đạt yêu cầu (Đ): Có đủ số lần kiểm tra theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 8 và 2/3 số bài kiểm tra trở lên được đánh giá mức Đ, trong đó có bài kiểm tra học kỳ.

- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

b) Xếp loại cả năm:

- Đạt yêu cầu (Đ): Cả hai học kỳ xếp loại Đ hoặc học kỳ I xếp loại CĐ, học kỳ II xếp loại Đ.

- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Cả hai học kỳ xếp loại CĐ hoặc học kỳ I xếp loại Đ, học kỳ II xếp loại CĐ.

c) Những học sinh có năng khiếu được giáo viên bộ môn ghi thêm nhận xét vào học bạ.

3. Đối với các môn chỉ dạy trong một học kỳ thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đó làm kết quả đánh giá, xếp loại cả năm học.

Điều 8. Đánh giá học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất

1. Học sinh gặp khó khăn trong học tập do mắc bệnh mãn tính, bị khuyết tật, bị tai nạn hoặc bị bệnh phải điều trị được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Hồ sơ xin miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm có: Đơn xin miễn học của học sinh và bệnh án hoặc giấy chứng nhận thương tật do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp.

3. Việc cho phép miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với các trường hợp do bị ốm đau hoặc tai nạn chỉ áp dụng trong năm học; các trường hợp bị bệnh mãn tính, khuyết tật hoặc thương tật lâu dài được áp dụng cho cả năm học hoặc cả cấp học. Hiệu trưởng nhà trường cho phép học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo từng học kì hoặc từng năm học.

4. Đối với học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định tại Điều này được kiểm tra, đánh giá thay thế bằng nội dung lý thuyết để có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI HỌC LỰC, HẠNH KIỂM/ RÈN LUYỆN

Điều 9:

***Đối với khối 6,7, 8**

Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

1. Căn cứ và tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học quy định trong Chương trình tổng thể và yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù quy định trong Chương trình môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Giáo viên môn học căn cứ quy định tại điểm a khoản này nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của học sinh trong quá trình rèn luyện và học tập môn học.

c) Giáo viên chủ nhiệm căn cứ quy định tại điểm a khoản này theo dõi quá trình rèn luyện và học tập của học sinh; tham khảo nhận xét, đánh giá của giáo viên môn học, thông tin phản hồi của cha mẹ học sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình giáo dục học sinh; hướng dẫn học sinh tự nhận xét; trên cơ sở đó nhận xét, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh theo các mức quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học

Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì và cả năm học được đánh giá theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

a) Kết quả rèn luyện của học sinh trong từng học kì

- Mức Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có nhiều biểu hiện nổi bật.
- Mức Khá: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông và có biểu hiện nổi bật nhưng chưa đạt được mức Tốt.
- Mức Đạt: Đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.
- Mức Chưa đạt: Chưa đáp ứng được yêu cầu cần đạt về phẩm chất được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

b) Kết quả rèn luyện của học sinh cả năm học

- Mức Tốt: học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá từ mức Khá trở lên.
- Mức Khá: học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá từ mức Đạt trở lên; học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Tốt; học kì II được đánh giá mức Tốt, học kì I được đánh giá mức Đạt hoặc Chưa đạt.
- Mức Đạt: học kì II được đánh giá mức Đạt, học kì I được đánh giá mức Khá, Đạt hoặc Chưa đạt; học kì II được đánh giá mức Khá, học kì I được đánh giá mức Chưa đạt.
- Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

***Đánh giá kết quả học tập của học sinh**

1. Kết quả học tập của học sinh theo môn học

a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét

- Trong một học kì, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư này và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

- Cả năm học, kết quả học tập mỗi môn học của học sinh được đánh giá theo 01 (một) trong 02 (hai) mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: Kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.

*** Đối với khối 9:**

Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại cả năm học

1. Loại giỏi, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 8,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 8,0 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 8,0 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6,5; c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

2. Loại khá, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 6,5 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 6,5 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 6,5 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5,0;

c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

3. Loại trung bình, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Điểm trung bình các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 5,0 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 5,0 trở lên;

b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3,5;

c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

4. Loại yếu: Điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0.

5. Loại kém: Các trường hợp còn lại.

6. Nếu ĐTBhk hoặc ĐTBcn đạt mức của từng loại quy định tại các Khoản 1, 2 điều này nhưng do kết quả của một môn học nào đó thấp hơn mức quy định cho loại đó nên học lực bị xếp thấp xuống thì được điều chỉnh như sau:

a) Nếu ĐTBhk hoặc ĐTBcn đạt mức loại G nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Tb thì được điều chỉnh xếp loại K.

b) Nếu ĐTBhk hoặc ĐTBcn đạt mức loại G nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.

c) Nếu ĐTBhk hoặc ĐTBcn đạt mức loại K nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.

d) Nếu ĐTBhk hoặc ĐTBcn đạt mức loại K nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Kém thì được điều chỉnh xếp loại Y.

Điều 10 Kết quả môn học và kết quả các môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học

- Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số: nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả học tập môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học; tính điểm trung bình môn học và tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kỳ, cả năm học.

- Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét: nhận xét môn học sau mỗi học kì, cả năm học theo hai mức: Đạt và Chưa đạt; nhận xét về năng khiếu (nếu có).

Điều 11. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo quy định; xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Khuyến khích các nhà trường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh. Đối với môn Ngữ văn, thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT. Đối với môn Lịch sử, Địa lí, Lịch sử và Địa lí tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ, bản đồ, câu hỏi mở nhằm tạo điều kiện cho học sinh biểu đạt chính kiến của mình, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ một cách máy móc.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến khi đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lí và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở GDPT và cơ sở giáo dục thường xuyên; bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh.

Các Tổ/nhóm chuyên môn thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện kiểm tra, đánh giá; tăng cường sử dụng hệ thống quản lí học tập (LMS), học liệu số để xây dựng các khóa học, chủ đề học tập nhằm phát huy khả năng tự học, học theo hướng dẫn cho học sinh. Khuyến khích các Tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, phối hợp xây dựng kế hoạch bài dạy để giáo viên phụ trách lớp tham khảo khi thực hiện các nội dung dạy học trên hệ thống quản lí LMS có kết hợp kiểm tra, đánh giá thường xuyên để quá trình học tập cho học sinh trên internet được hiệu quả

Điều 11. Nội dung, kiến thức, kỹ năng kiểm tra đánh giá của bài kiểm tra đánh giá định kỳ.

- Kiến thức, kỹ năng trong kiểm tra đánh giá định kỳ bài kiểm tra phải nằm trong các mức độ của “ Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông” của Bộ GD & ĐT năm 2009 và nội dung được điều chỉnh bởi công văn 280/ BGDDT

–GDTrH năm 2020. Ngữ liệu sử dụng trong bài kiểm tra đánh giá phục vụ cho kiến thức chuẩn kỹ năng yêu cầu cần đạt) của bài kiểm tra đánh giá định kỳ.

- Nội dung kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện từ tuần đầu học kỳ đến tuần thực hiện bài kiểm tra đánh giá định kỳ của học kỳ đó. Bài kiểm tra đánh giá định kỳ phải đảm bảo kiểm tra theo diện rộng (ở mức độ nhận biết, và thông hiểu) của kiến thức và kỹ năng, đồng thời phải đảm bảo mức độ sâu, phân hóa (ở mức độ vận dụng và vận dụng cao).

- Kiểm tra đánh giá định kỳ bằng hình thức dự án học tập hoặc bài thực hành được thực hiện trong kế hoạch kiểm tra đánh giá của giáo viên được lãnh đạo phê duyệt, được qui định trong qui chế đánh giá của nhà trường.

Điểm kiểm tra đánh giá định kỳ phải đảm bảo các qui định sau:

+ Các dự án học tập, bài thực hành được tổ chức thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng môn học.

+ Các dự án học tập và bài thực hành phải có đầy đủ tiêu chí đánh giá: quá trình tiếp nhận nhiệm vụ, quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, kết quả đánh giá giữa học sinh với nhau và kết quả đánh giá của giáo viên với học sinh...Các tiêu chí được công bố cho học sinh trước khi thực hiện dự án học tập hoặc bài thực hành.

+ Điểm số các dự án học tập, bài thực hành phải được qui đổi về thang điểm 10.

Điều 12. Về biên soạn đề kiểm tra, xây dựng hướng dẫn chấm: thiết lập ma trận và đặc tả đề kiểm tra đánh giá; các yêu cầu của câu hỏi về Đề kiểm tra, đánh giá.

Thực hiện theo Văn bản hướng dẫn số 3333/GDDT-TrH ngày 0 tháng 10 năm 2020 của SGD &ĐT về biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ 2020-2021.

Điều 13. Một số yêu cầu về kiểm tra đánh giá

1. Đề KT và đáp án phải đảm bảo về mặt hình thức theo mẫu chung đối với 2 dạng: làm trực tiếp trên giấy có in sẵn đề và làm trên tờ giấy riêng. Đề kiểm tra có từ 2 câu trở lên, phải ghi rõ điểm từng câu cho học sinh biết.

2. Nội dung đề KT phải có tính phân hóa đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng hướng tới việc phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đối với các bài KT định kỳ trên 45 phút cần đảm bảo 4 mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của mỗi loại câu hỏi/bài tập để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học; xây dựng đề kiểm tra bao quát, thực tiễn, tiếp cận đánh giá năng lực học sinh, tăng dần các dạng câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với việc giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống.

3. Các loại bài kiểm tra trong năm học của các môn học (KTTX, KTĐK), cần có kế hoạch thực hiện vừa đủ số cột bài kiểm tra theo qui định của từng môn học. Không kiểm tra liên tục, thường xuyên và không tăng số lượng bài kiểm tra quá mức qui định để tránh gây áp lực học tập căng thẳng lên học sinh. Nội dung và mức độ, độ dài của bài kiểm tra cần phù hợp với chương trình học và trình độ học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

4. Chú trọng đánh giá thường xuyên với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật; báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra được qui định trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

5. Đảm bảo việc thiết kế, xây dựng ma trận đề kiểm tra đúng qui trình; xác định đúng các cấp độ tư duy: nhận biết, thông hiểu, vận dụng , vận dụng cao. Tiến hành xây dựng đề kiểm tra sau khi đã hoàn chỉnh ma trận đề.

6. Đối với đề kiểm tra định kỳ:

Mỗi giáo viên bộ môn (GVBM) thực hiện một (01) đề kiểm tra đề nghị sau khi đã thống nhất về mặt cấu trúc, nội dung, chương trình, ma trận đề (có ghi rõ vào biên bản họp nhóm). Đề được soạn trên máy tính với 2 file: 01 file đề, 01 file ma trận đề và đáp án, hướng dẫn chấm. Tổ trưởng / nhóm trưởng bộ môn nộp về Ban giám hiệu tối thiểu 05 ngày.

7. Tất cả các đề kiểm tra , giáo viên đều phải lưu lại bổ sung vào ngân hàng đề.

Điều 14. Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập

Thực hiện theo qui định tại Điều 14 Thông tư số 58, Thông tư 26 và Điều 11 Thông tư 22. Việc đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc đồng viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

- Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả rèn luyện và học tập môn học mà học sinh khuyết tật có khả năng đáp ứng được theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả rèn luyện và học tập. Xây dựng đề kiểm tra riêng đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập.

- Những môn học mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông thì được đánh giá những nội dung môn học hoặc môn học được miễn.

Điều 15. Tổ chức kiểm tra, đánh giá trong nhà trường

1. Về phê duyệt, sửa đổi, in ấn đề kiểm tra định kỳ

a) Tổ trưởng, nhóm trưởng bộ môn kiểm tra file đề từ GVBM gửi về mặt hình thức, nội dung; ; điều chỉnh, sửa đổi nội dung cho phù hợp nếu cần) và đảm bảo qui định về mặt hình thức. Chuyển file đề kiểm tra cho Phó hiệu trưởng trước ngày kiểm tra tối thiểu là 5 ngày.

b) Phó hiệu trưởng sau khi tiếp nhận file từ Tổ trưởng, nhóm trưởng bộ môn tiến hành kiểm tra, thẩm định sàng lọc, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi n(nếu có); thiết lập 02 mã đề kiểm tra A và B , kèm đáp án, hướng dẫn chấm tương ứng mỗi đề, tiến hành in ấn, sao đề kiểm tra theo số lượng hiện có trước ngày kiểm tra tối thiểu 02 ngày.

c) Đề kiểm tra sau khi được in ấn được chia theo sĩ số học sinh mỗi lớp, số lượng đề A và B hơn kém nhau không quá một đề mỗi lớp; được đóng gói, niêm phong theo từng môn, từng khối lớp.

2. Về tổ chức kiểm tra

a) Đối với bài kiểm tra thường xuyên

GVBM tổ chức kiểm tra trên lớp theo kế hoạch giảng dạy sau khi đã thống nhất trong nhóm ; kiểm tra thường xuyên trong quá trình giảng dạy.

b) Đối với kiểm tra giữa kỳ

Tổ chức kiểm tra tập trung theo kế hoạch các môn Văn, Toán, Tiếng Anh, Lý, Hóa, Khoa học tự nhiên.

c) Đối với bài kiểm tra cuối kỳ

Tổ chức kiểm tra tập trung theo kế hoạch của Phòng giáo dục.

3. Giáo viên coi kiểm tra

a) Thực hiện theo sự phân công của Ban giám hiệu

b) Có mặt tại trường trước giờ kiểm tra tối thiểu 20 phút , tiếp nhận phân công coi lớp kiểm tra, nhận bìa đề kiểm tra từ Phó hiệu trưởng và về phòng coi kiểm tra để làm nhiệm vụ. Chỉ phát đề kiểm tra khi có hiệu lệnh , phát hai mã đề xen kẽ; 02 học sinh ngồi cùng một bàn không cùng một mã đề.

c) Coi kiểm tra nghiêm túc, đúng qui chế coi thi hiện hành; nhắc nhở, ngăn ngừa học sinh vi phạm qui chế.

Tuyệt đối không sử dụng điện thoại, trao đổi riêng với giám thị cùng phòng, với học sinh.

4. Về chấm, trả bài kiểm tra, ghi điểm

a) Chấm bài

- GVBM nhận bài chấm từ Phó hiệu trưởng; tiến hành họp nhóm, thống nhất đáp án chi tiết trước khi chấm (ghi biên bản vào sổ họp nhóm). Bài kiểm tra được phân công chấm chéo theo đơn vị lớp- giáo viên không chấm bài theo đơn vị lớp dạy chính khóa. Thời gian hoàn tất việc chấm bài từ 5 -7 ngày kể từ ngày kiểm tra.

- Bài kiểm tra chấm theo thang điểm 10, làm tròn lấy một chữ số phần thập phân (ví dụ : 7,25 làm tròn 7,3; 8,75 làm tròn 8,8; ...)

- Giáo viên chấm bài đúng hướng chấm chấm theo biểu điểm; gạch chéo những phần giấy trắng còn thừa do học sinh không viết hết, khóa cuối bài học sinh làm.

- Ghi điểm toàn bài vào ô qui định cả điểm chữ và điểm số. Nếu có thay đổi điểm số, giáo viên gạch chéo, ghi điểm lới- kí tên và ghi “ tôi sửa”

- Giáo viên ghi nhận xét vào bào kiểm tra của học sinh.

b) Trả bài kiểm tra

Trả bài kiểm tra nhằm giúp Thầy –Trò đánh giá lại những ưu điểm, tồn tại và hạn chế mà bài làm của học sinh đã thực hiện sau khi có kết quả chấm. Việc trả bài kiểm tra giúp học

sinh hiểu được những nội dung học sinh cần hoàn thiện hơn sau quá trình học tập, rút kinh nghiệm khi làm bài kiểm tra,...

Giáo viên hạn xét, đánh giá chung về bài làm của học sinh; nêu những hạn chế, thiếu sót phổ biến để học sinh biết; tuyên dương những học sinh đạt điểm cao, những học sinh có nhiều nỗ lực, cố gắng; động viên, nhắc nhở học sinh có điểm thấp, còn nhiều thiếu sót, hạn chế trong bài làm.

Qua họp tổ, nhóm chuyên môn so sánh, đánh giá kết quả bài kiểm tra mỗi lớp; phân tích sâu những nội dung đề kiểm tra mà học sinh không làm được, còn vướng mắc, hạn chế, sai sót khi làm bài; giáo viên rút kinh nghiệm nội dung cần chú ý thêm cho học sinh. Từ đó tăng cường đẩy mạnh việc đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học theo từng đơn vị kiến thức, đưa ra những phương pháp, cách thức giảng dạy phù hợp, chú trọng công tác phụ đạo học sinh yếu kém; bồi dưỡng học sinh giỏi...

c) Ghi điểm

Giáo viên ghi điểm vào sổ điểm cá nhân, nhập điểm vào phần mềm, hệ thống C2 theo qui định của từng đợt nhập điểm.

Trường hợp có sai sót khi nhập điểm, giáo viên báo về Phó hiệu trưởng phụ trách để ghi nhận, xem xét và điều chỉnh phù hợp theo qui định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng

1. Xây dựng Quy chế. Hiệu trưởng Quyết định ban hành Quy chế; quán triệt qui chế đến toàn thể CBQL-GV-NV và học sinh trong nhà trường.

2. Có trách nhiệm duyệt đề, bảo mật đề.

3. Giao cho Phó hiệu trưởng xây dựng, phê duyệt đề kiểm tra và có trách nhiệm

4. Phân công Phó Hiệu trưởng hướng dẫn thực hiện, theo dõi việc thực hiện và báo cáo định kỳ cho Hiệu trưởng việc tổ chức thực hiện của giáo viên và Tổ chuyên môn.

5. Điều chỉnh, bổ sung các nội dung mới cho phù hợp khi có sự chỉ đạo mới của Lãnh đạo cấp trên và các ý kiến đóng góp hợp lý, đúng quy định của giáo viên.

6. Kiểm điểm, xử lý các trường hợp không chấp hành và thực hiện đúng theo quy chế tùy theo mức độ vi phạm.

7. Chú trọng kiểm tra giám sát việc thực hiện của các trường THCS trong việc xây dựng ma trận, đặc tả, soạn thảo đề theo Văn bản số 8773/BGDĐT-GDTrH và theo yêu cầu cần đạt của môn học được qui định trong Chương trình đối với các môn học thuộc CT GDPT 2018.

- Đối với cấp trung học phổ thông: các trường tổ chức tập huấn, xây dựng ma trận, đặc tả, soạn thảo đề kiểm tra theo Văn bản số 8773/BGDĐT-GDTrH của từng môn học trong bài kiểm tra định kỳ và theo yêu cầu cần đạt của môn học (đối với khối lớp 10, 11) được qui định trong Chương trình môn học.

Xây dựng ngân hàng câu hỏi theo bảng ma trận đặc tả theo từng nội dung kiến thức.
Thực hiện kiểm tra cuối kì theo khung thời gian hướng dẫn của Sở GDĐT

Điều 13. Trách nhiệm của Tổ (Nhóm) chuyên môn, giáo viên:

1. Xây dựng kế hoạch, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục của từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh..

2. Có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung, điều khoản có liên quan trong qui chế ; đôn đốc, nhắc nhở nhau thực hiện đúng TT 58, TT26 và TT 22 (Thông tư 22 thực hiện theo lộ trình từ năm học 2021-2022 ở khối lớp 6.

3. Giáo viên có trách nhiệm ra đề kiểm tra, đảm bảo về tính chính xác nội dung và thực hiện đúng hình thức; có trách nhiệm bảo mật đề kiểm tra.

4. Tổ trưởng, nhóm trưởng bộ môn có trách nhiệm duyệt đề, bảo mật đề.

Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Trong quá trình triển khai và thực hiện Quy chế, các cá nhân có đóng góp tích cực sẽ được đề nghị tuyên dương , khen thưởng (tùy theo mức độ); những trường hợp vi phạm qui chế tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo qui định hiện hành.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế kiểm tra, đánh giá này được thông qua và áp dụng thực hiện từ năm học 2022-2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành Quyết định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc sẽ được bàn bạc, thảo luận để bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp và đúng qui định./.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Ngọc Diệp